TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **65/**2026/DSST
Ngày 26/6/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm Sát viên.

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2026/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2026, quyết định hoãn phiên toà số 80/2026/QĐST-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Bích L,** sinh năm 1988

Địa chỉ: 162A Mai Thị Hồng Hạnh, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Chiêm Thành L1**, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp An Khương, xã Châu Thành, tỉnh An Giang

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 23/9/2025)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1960

Bà **Phan Thị P (Phan Kim P)**, sinh năm 1962

Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1992

Anh **Huỳnh Trần Phúc L2**, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa Lợi, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang.

(Ông L1 có mặt, ông N, bà P, anh L2, chị Kđã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Hồ Bích L là ông Chiêm Thành L1 trình bày:***

Do có quen biết nên bà Hồ Bích L có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P cùng con gái là bà Nguyễn Thị K, con rể là Huỳnh Trần Phúc L2 (chồng K) vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 19/9/2021 (âm lịch) cho vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), không thoả thuận lãi suất, đối với thời gian trả thì khi nào bà Hồ Bích L cần sẽ thông báo trước 01 tháng.

Ngày 27/4/2022 cho vay số tiền là 919.200.000 đồng (Chín trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng), thời hạn vay là 02 tháng, không thoả thuận lãi suất.

Tổng cộng, 02 lần bà Hồ Bích L cho ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P, bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Trần Phúc L2 vay tổng số tiền là 1.219.200.000 đồng (Một tỉ hai trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Sau khi cho vay tiền thì ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P, bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Trần Phúc L2 không trả tiền cho bà L như đã cam kết, bà L đã nhiều lần liên hệ nhưng những người này cứ hứa hẹn và trốn tránh.

Do đó bà Hồ Bích L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị Phi, bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Trần Phúc L2 cùng liên đới trả cho bà Hồ Bích L tổng số tiền gốc là 1.219.200.000đ (Một tỷ hai trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả là 10% năm đối với số tiền nợ 919.200.000đ (Chín trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) kể từ ngày 28/6/2022 tạm tính đến ngày 28/8/2025 là 0.833%/tháng x 919.200.000 đồng x 38 tháng = 290.963.568đ.

Tuy nhiên sau khi xem xét kỹ lại thì bà L có đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Trần Phúc L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Bích L số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P, bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Trần Phúc L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Bích L số tiền vay gốc là 919.200.000 đồng (Chín trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/6/2022 đến ngày xét xử.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn xác định việc giao đất trừ cấn số nợ mà bị

đơn trình bày là trừ cấn số nợ phát sinh trước thời điểm 19/9/2021 âm lịch và bị đơn đã giao đất cấn trừ số nợ này rồi mới chốt lại số tiền nợ vay như 02 biên nhận mà nguyên đơn đã cung cấp. Do đó số tiền trên 02 biên nhận trong vụ án này không liên quan đến số nợ 1.500.000.000 đồng mà các bị đơn trình bày. Số tiền trên biên nhận trong vụ án này là sau khi hai bên chốt tiền và giao đủ số tiền nên ghi biên nhận nợ với nhau mới có số tiền lẻ.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2026, chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Trần Phúc L2 trình bày:***

Vợ chồng chị Nguyễn Thị K, anh Huỳnh Trần Phúc L2 thừa nhận có vay tiền của bà Hồ Bích L số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng nhưng trong quá trình vay tiền thì vợ chồng chị Kiều, anh L2 cùng cha mẹ là ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P đã thế chấp 01 thửa đất cho bà L, sau đó do vợ chồng chị Kiều, anh L2 cùng cha mẹ không có khả năng trả tiền vay nêu trên cho bà L nên bà L đã sang tên thửa đất này qua tên bà L để cấn trừ số nợ nêu trên, còn số tiền 1.219.200.000 đồng là tiền lãi do quá trình vay tiền khá lâu nên phát sinh lãi lời. Tuy nhiên bà L đã lấy lại tất cả các biên nhận giấy tờ, do đó hiện nay anh chị không còn giữ tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho sự việc nêu trên nên không có tài liệu chứng cứ giao nộp cho Toà án. Việc vợ chồng chị Kiều, anh L2 vay tiền thì cha mẹ chị Klà ông N, bà P đều biết và cũng có ký biên nhận nợ với bà L. Vợ chồng anh chị xác định chữ ký, chữ viết tên của vợ chồng anh chị trong biên nhận nợ bà L cung cấp cho Toà án là chữ ký, chữ viết của vợ chồng anh chị.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2026 ông Nguyễn Văn N trình bày:***

Ông thừa nhận ông cùng vợ là bà Phan Thị P , con gái là Nguyễn Thị K, con rể Huỳnh Trần Phúc L2 có vay tiền của bà Hồ Bích L số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng nhưng trong quá trình vay tiền thì vợ chồng ông bà và chị K, anh L2 đã thế chấp 01 thửa đất cho bà L. Sau đó do vợ chồng ông bà cùng vợ chồng Kiều, Linh không có khả năng trả tiền vay nêu trên cho bà L nên bà L đã sang tên thửa đất này qua tên bà L để cấn trừ số nợ nêu trên, còn số tiền 1.219.200.000 đồng là tiền lãi do quá trình vay tiền khá lâu nên phát sinh lãi lời. Tuy nhiên bà L đã lấy lại tất cả các biên nhận giấy tờ, do đó hiện nay ông bà không còn giữ tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho sự việc nêu trên nên không có tài liệu chứng cứ giao nộp cho Toà án. Vợ chồng ông bà đều biết việc vợ chồng K, L2 vay tiền của Hồ Bích L và ông bà cũng có ký biên nhận nợ với bà L đối với khoản nợ 919.200.000 đồng, vợ chồng ông xác định chữ ký, chữ viết tên của vợ chồng ông trong biên nhận nợ mà bà L cung cấp cho Toà án là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông. Đối với khoản nợ 300.000.000

đồng mà vợ chồng K, L2 vay của bà L thì vợ chồng ông không liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng vi phạm không lớn, cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Bích L, buộc bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Trần Phúc L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Bích L số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi; buộc ông Nguyễn Văn N, bà Phan Kim P, bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Trần Phúc L2 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Bích L số tiền vay gốc là 919.200.000 đồng (Chín trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính theo quy định pháp luật (10%/năm) kể từ ngày 28/6/2022 đến ngày xét xử 26/6/2026 = 47 tháng 28 ngày x 919.200.000 đồng x 0,833% = 367.022.466 đồng, tổng cộng gốc lãi là = 1.286.222.466 đồng.

Về án phí: Buộc các đồng bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P , chị Nguyễn Thị K, anh Huỳnh Trần Phúc L2 phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 1.286.222.466 đồng = 50.586.674 đồng. Tuy nhiên do ông Nguyễn Văn N và bà Phan Thị P thuộc trường hợp người cao tuổi nên mỗi người được miễn án phí theo quy pháp luật với số tiền là 12.646.668 đồng, do đó chị Nguyễn Thị K, anh Huỳnh Trần Phúc L2 mỗi người phải chịu án phí với số tiền là: 12.646.668 đồng. Ngoài ra, chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Trần Phúc L2 phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5% x 300.000.000 đồng = 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn bà Hồ Bích L yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P, chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Trần Phúc L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Bích L số tiền vay gốc là 919.200.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật. Yêu cầu chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Trần Phúc L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Bích L số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng nên đây là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*". Đồng thười bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P, chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Trần Phúc L2 có nơi cư trú tại ấp Hoà Lợi, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt đương sự:* Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P , chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Trần Phúc L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Nguyên đơn bà Hồ Bích L yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P, chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Trần Phúc L2 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 919.200.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/6/2022 đến ngày xét xử ngày 26/6/2026. Đồng thời nguyên đơn bà Hồ Bích L cũng yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Trần Phúc L2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông N, chị Kiều, anh L2 thừa nhận vợ chồng ông N, bà P cùng ký biên nhận nợ với bà L để vay số tiền 919.200.000 đồng, vợ chồng ông N xác định chữ ký, chữ viết tên của vợ chồng ông bà trong biên nhận nợ mà bà L cung cấp cho Toà án là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông. Bị đơn chị Kiều, anh L2 xác định việc vợ chồng anh chị vay tiền thì cha mẹ là ông N, bà P đều biết và cũng có ký biên nhận nợ với bà L. Vợ chồng anh chị xác định chữ, ký chữ viết tên của vợ chồng anh chị trong biên nhận nợ bà L cung cấp cho Toà án là chữ ký, chữ viết của vợ chồng anh chị. Ông N và vợ chồng chị Kiều, anh L2 đều thừa nhận có vay tiền của bà L nhưng với số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và trong quá trình vay tiền thì vợ chồng chị Kiều, anh L2 cùng ông N, bà P đã thế chấp 01 thửa đất cho bà L, sau đó đã sang tên thửa đất này qua tên bà L để cấn trừ số nợ nêu trên, còn số tiền 919.200.000 đồng + 300.000.000 đồng = 1.219.000.00 đồng là tiền lãi nhưng các đồng bị đơn ông N, bà P, chị Kiều, anh L2 không cung cấp được tài liệu

chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của các đồng bị đơn. Đại diện nguyên đơn xác định việc giao đất trừ cấn số nợ mà bị đơn trình bày là trừ cấn số nợ phát sinh trước thời điểm 19/9/2021 âm lịch và bị đơn đã giao đất cấn trừ số nợ này rồi mới chốt lại số tiền nợ vay như 02 biên nhận mà nguyên đơn đã cung cấp. Do đó số tiền trên 02 biên nhận trong vụ án này không liên quan đến số nợ 1.500.000.000 đồng mà các bị đơn trình bày.

Hội đồng xét xử xét: Dựa trên các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn bà L đã cung cấp gồm: *01 Giấy mượn tiền ngày 27/4/2022 (dương lịch) có chữ ký chữ viết tên: Nguyễn Văn N, Phan Thị P , Nguyễn Thị K, Huỳnh Trần Phúc L2* thể hiện nội dung ông N, bà P, chị K anh L2 nợ bà L số tiền 919.200.000 đồng và cùng nhau có trách nhiệm liên đới trả cho bà L; 01 *Giấy tay ngày 19/9/2021 (âm lịch)* thể hiện nội dung chị Kanh L2 nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng. Các đồng bị đơn đều thừa nhận có ký các biên nhận nêu trên nhưng khai nại rằng: chỉ nợ bà L số tiền 1.500.000.000 đồng và số tiền 1.219.200.000 đồng là tiền lãi đồng thời đã thế chấp đất, giao đất để trừ cấn số nợ nêu trên. Tuy nhiên đại diện nguyên đơn xác định rằng việc giao đất trừ cấn số nợ mà bị đơn trình bày là trừ cấn số nợ phát sinh trước thời điểm 19/9/2021 âm lịch và bị đơn đã giao đất cấn trừ số nợ này rồi mới chốt lại số tiền nợ vay như 02 biên nhận mà nguyên đơn đã cung cấp. Do đó số tiền trên 02 biên nhận trong vụ án này không liên quan đến số nợ 1.500.000.000 đồng mà các bị đơn trình bày. Đồng thời, Toà án đã ra Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ cho các đồng bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng các đồng bị đơn đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác bị đơn ông N chỉ cung cấp *Hợp đồng cho thuê đất ruộng ngày 18/8/2024* giữa bên cho thuê là ông Trần Văn Đ và bên thuê là bà Phan Thị P thì không liên quan đến vụ án này và không có giá trị chứng minh cho những lời trình bày của các đồng bị đơn trong vụ án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét lời khai nại của các đồng bị đơn. Do đó có cơ sở xác định các đồng bị đơn ông N, bà P, chị Kiều, anh L2 còn nợ nguyên đơn bà L số tiền 919.200.000 đồng và tiền lãi; các đồng bị đơn chị Kiều, anh L2 còn nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa người đại diện của bà L xác định rằng mặc dù giữa bà L và các đồng bị đơn có thoả thuận lãi suất nhưng từ ngày vay tiền đến nay thì các đồng bị đơn chưa trả được bất kỳ khoản tiền lãi nào nên bà L yêu cầu các đồng bị đơn phải trả tiền lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền gốc 919.200.000 đồng

kể từ ngày 28/6/2022 (là sau thời hạn 02 tháng kể từ ngày 27/4/2022) đến ngày xét xử 26/6/2026.

Hội đồng xét xử xét: Việc bà L cho các đồng bị đơn vay số tiền 919.200.000 đồng từ ngày 27/4/2022 dương lịch trong thời hạn 02 tháng và từ ngày vay tiền đến nay các đồng bị đơn không trả tiền lãi cho bà L. Do đó việc bà L yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vay nêu trên từ ngày 28/6/2022 đến ngày xét xử 26/6/2026 là 47 tháng 28 ngày x 919.200.000 đồng x 0,833% = 367.022.466 đồng, tổng cộng gốc lãi là = 1.286.222.466 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy số tiền gốc lãi các đồng bị đơn ông N, bà P, chị Kiều, anh L2 cùng có trách nhiệm trả cho bà L là 1.286.222.466 đồng, ngoài ra đồng bị đơn chị K và anh L2 còn phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Bích L được chấp nhận nên buộc các đồng bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, như sau:

Ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P, chị Nguyễn Thị K, anh Huỳnh Trần Phúc L2 phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 1.286.222.466 đồng = 50.586.674 đồng. Tuy nhiên do ông Nguyễn Văn N và bà Phan Thị P thuộc trường hợp người cao tuổi nên ông N, bà P mỗi người được miễn án phí với số tiền là 12.646.668 đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Do đó chị Nguyễn Thị K, anh Huỳnh Trần Phúc L2 phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 25.293.337 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 300.000.000 đồng = (5% x 300.000.000 đồng = 15.000.000 đồng; như vậy, tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà chị Nguyễn Thị K, anh Huỳnh Trần Phúc L2 phải liên đới chịu là 40.293.337 đồng. Nguyên đơn bà Hồ Bích L không phải chịu án phí nên được trả lại 28.652.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010675 ngày 02/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Bích L.

Buộc các đồng bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị P, chị Nguyễn Thị K, anh Huỳnh Trần Phúc L2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Bích L số tiền vay gốc là 919.200.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 28/6/2022 đến ngày xét xử 26/6/2026 = 367.022.466 đồng; tổng cộng gốc lãi là 1.286.222.466đ (Một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc các đồng bị đơn chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Trần Phúc L2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Bích L số tiền vay gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu các đồng bị đơn không trả dứt điểm số tiền nêu trên cho nguyên đơn thì hàng tháng các đồng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Địa điểm giao nhận tiền tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N và bà Phan Thị P thuộc trường hợp người cao tuổi nên ông N, bà P mỗi người được miễn án phí với số tiền là 12.646.668 đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc chị Nguyễn Thị K, anh Huỳnh Trần Phúc L2 phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền tổng cộng là 40.293.337 đồng.

Nguyên đơn bà Hồ Bích L không phải chịu án phí nên được trả lại 28.652.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010675 ngày 02/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An

Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND Khu vực 3;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh